

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SDTTG ngày /4/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Gia Lai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách (03 tháng năm 2026) như sau:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-	-
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	34.870.571.384	10.402.619.446	68	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	34.870.571.384	10.402.619.446	68	-
1	Chi quản lý hành chính	27.997.436.665	10.402.619.446	68	-

1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	11.290.563.632	2.109.032.048	19	-
-	KP Quản lý Nhà nước	11.290.000.000	2.109.032.048	19	
-	KP thực hiện CCTL	563.632		-	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	16.706.873.033	8.293.587.398	50	-
-	Quỹ tiền thưởng	523.000.000		-	
-	Kinh phí hoạt động đảng bộ cơ sở	50.000.000	6.413.400	13	
-	Kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị	397.000.000	396.200.000	100	
-	Kinh phí hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng	60.000.000		-	
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về dân tộc, tôn giáo	900.000.000	111.581.200	12	
-	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 80 năm ngày Truyền thống cơ quan QLNN về lĩnh vực công tác dân tộc	135.000.000		-	
-	Kinh phí thực hiện chính sách cho người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS	3.267.000.000	826.900.000	25	
-	Kinh phí thực hiện nghiệp vụ công tác tôn giáo	2.830.000.000	413.492.798	15	
-	Kinh phí tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo	370.000.000		-	
-	Kinh phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng về tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức cấp xã	87.000.000		-	
-	Kinh phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về tôn giáo cho công chức cấp xã	118.000.000		-	
-	Kinh phí hỗ trợ đi lại và điều kiện làm việc CBCC, NLD bị tác động, ảnh hưởng của sắp xếp đơn vị hành chính	1.656.000.000	234.000.000	14	
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026	6.305.000.000	6.305.000.000	100	
-	KP thực hiện CCTL	8.873.033		-	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-	-	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	2.335.442.656	-	-	-

3.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
3.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.335.442.656	-	-	-
-	Trợ cấp đối với CBCCVC được cử đi đào tạo (085)	39.000.000		-	
-	Nội dung 1 - TDA2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc - Dự án 5	491.794.202		-	
-	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp - Dự án 5	1.804.648.454		-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-
5	Chi bảo đảm xã hội	49.201.128	-	-	-
5.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
5.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	49.201.128	-	-	-
-	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	49.201.128		-	
6	Chi hoạt động kinh tế	1.843.592.000	-	-	-
6.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
6.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.843.592.000	-	-	-
-	CTMTQG giảm nghèo bền vững	2.014.400		-	
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1.341.683.600		-	
-	Nội dung 3-Tiểu dự án 2: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN - Dự án 3	499.894.000		-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.644.898.935	-	-	-
8.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
8.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.644.898.935	-	-	-

-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN - Dự án 10	35.711.854		-	
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG	2.609.187.081		-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-	-	-